

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 412/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Mai H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Lô C2, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Hồ Thị Ằ, sinh năm 1978; Địa chỉ: Lô C2, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai H và chị Hồ Thị Ằ tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 29/4/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện N, tỉnh Thừa Thiên H trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị Ằ là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, không ai quan tâm gì đến nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H và chị Ằ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh H và chị Ằ là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Mai H và chị Hồ Thị Ằ.

[2] Về con chung: Anh Mai H và chị Hồ Thị Ǻ có 03 con chung tên là Mai Nguyên V, sinh ngày 29/03/2003 (Hiện nay cháu V đã trưởng thành trên 18 tuổi); Mai Thị Yến N, sinh ngày 26/02/2005; Mai Thị Yến P, sinh ngày 03/08/2006 (Hiện nay cháu N, cháu P đang do chị Ǻ trực tiếp nuôi dưỡng; nguyện vọng của cháu N, cháu P là ở với mẹ). Anh Mai H và chị Hồ Thị Ǻ thỏa thuận: Giao cháu Mai Thị Yến N và cháu Mai Thị Yến P cho chị Hồ Thị Ǻ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); cháu Mai Nguyên V hiện nay đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không đặt ra về vấn đề nuôi dưỡng cấp dưỡng và anh H, chị Ǻ không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh Mai H không phải cấp dưỡng nuôi cháu N, cháu P.

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh Mai H và chị Hồ Thị Ǻ tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ về tài sản: Không có ai yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai H và chị Hồ Thị Ǻ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Mai H và chị Hồ Thị Ǻ có 03 con chung tên là Mai Nguyên V, sinh ngày 29/03/2003 (Hiện nay cháu V đã trưởng thành trên 18 tuổi); Mai Thị Yến N, sinh ngày 26/02/2005; Mai Thị Yến P, sinh ngày 03/08/2006 (Hiện nay cháu N, cháu P đang do chị Ǻ trực tiếp nuôi dưỡng; nguyện vọng của cháu N, cháu P là ở với mẹ).

Giao cháu Mai Thị Yến N và cháu Mai Thị Yến P cho chị Hồ Thị Ǻ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); cháu Mai Nguyên V hiện nay đã trưởng thành trên 18 tuổi nên anh H và chị Ǻ không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh Mai H không phải cấp dưỡng nuôi cháu N, cháu P.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Mai H và chị Hồ Thị Ǻ tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

- Về nghĩa vụ về tài sản: Không có ai yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Mai H và chị Hồ Thị Ằ, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003437 ngày 21 tháng 06 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Mai H và chị Hồ Thị Ằ đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND TT. K, H. N, TT. Huế
(ĐKKH số 11 ngày 29/4/2002);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Văn Hạnh